



PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

- Tên mẫu: **Nước sạch nhà máy**
- Địa điểm lấy mẫu: **Nước sạch nhà máy Hồ Đá Đen**
- Người lấy mẫu: **Vũ Xuân Hưởng**
- Ngày nhận mẫu: **07/06/2023**
- Ngày xét nghiệm: **07-08/06/2023**
- Kết quả xét nghiệm

STT	Ngày thực hiện	Người thực hiện	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Ghi chú
1	07/06/2023	Hưởng	Màu sắc (*)	TCU	TCVN 6185:2015	<5.000	15	GHDL = 5.000
2	07/06/2023	Hưởng	pH (*)		TCVN 6492:2011	7.59	6.0-8.5	
3	07/06/2023	Hưởng	Độ đục (*)	NTU	TCVN 6184:2008	0.27	2	
4	08/06/2023	Hưởng	Mùi vị		SMEWW 2150	KMV	KMV	
5	08/06/2023	Tiến	Tổng CaCO ₃ (*)	mg/L CaCO ₃	TCVN 6224:1996	75.00	300	
6	08/06/2023	Tiến	Độ Kiềm (*)	mg/L	SMEWW 2320B	88.50	/	
7	08/06/2023	Tiến	Clorua (*)	mg/L	TCVN 6194:1996	15.24	250	
8	08/06/2023	Nam	Amoni (Tính theo N) (*)	mg/L	Method 8155	KPH	0.3	GHPH = 0.020
9	08/06/2023	Nam	Nitrit (NO ₂ - tính theo N) (*)	mg/L	Method 8507	0.009	0.05	
10	08/06/2023	Nam	Nitrat (NO ₃ - tính theo N) (*)	mg/L	Method 8171	KPH	2	GHPH = 0.100
11	08/06/2023	Quân	Mangan tổng (*)	mg/L	Method 8149	KPH	0.1	GHPH = 0.005
12	08/06/2023	Nam	Sunfat (*)	mg/L	Method 8051	3.22	250	
13	08/06/2023	Nam	Fe tổng (*)	mg/L	Method 8008	KPH	0.3	GHPH = 0.010
14	08/06/2023	Quân	Sunfua (*)	mg/L	Method 8131	KPH	0.05	GHPH = 0.006
15	08/06/2023	Hưởng	Clo dư	mg/L	Method 8021	0.52	0.2-1.0	
16	07/06/2023	Hưởng	TDS	mg/L	Catalog	118.00	1000	
17	07/06/2023	Hưởng	Độ dẫn điện (*)	mg/L	SMEWW 2510B	181.70	/	
18	08/06/2023	Tiến	Pemanganate (*)	mg/L	TCVN 6186:1996	1.22	2	
19	08/06/2023	Quân	Florua (*)	mg/L	Method 8029	0.21	1.5	
20	08/06/2023	Nam	Nhôm (*)	mg/L	Method 8012	0.07	0.2	
21	07/06/2023	Khoa	Coliform (*)	CFU/100 ml	ISO 9308-1:2014	0	3	
22	07/06/2023	Khoa	E.coli (*)	CFU/100 ml	ISO 9308-1:2014	0	1	
23	08/06/2023	Tiến	Cứng canxi	mg/L	TCVN 6198:1996	30.00	/	
24	08/06/2023	Nam	Silica	mg/L	Method 8185	22.60	/	
25	08/06/2023	Nam	Đồng	mg/L	Method 8506	KPH	1	GHPH = 0.000

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Các chỉ tiêu có dấu (*) đã được VILAS công nhận
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, mẫu lưu 7 ngày kể từ ngày nhận mẫu

26	07/06/2023	Tâm	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	SMEWW 9213B: 2017	0	1	
27	07/06/2023	Quân	Trực khuẩn mũ xanh (Pseudomonas Aeruginosa)	CFU/100 ml	TCVN 8881: 2011	0	1	

7. Kết luận: Các chỉ tiêu phân tích đạt theo QCVN 01-1:2018/BYT

TP Bà Rịa, ngày 12 tháng 06 năm 2023

Trưởng phòng QLCL



Võ Phương Hồng

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện
- Các chỉ tiêu có dấu (*) đã được VILAS công nhận
- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử, mẫu lưu 7 ngày kể từ ngày nhận mẫu



Số: /VYTCC

012899

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17203.23



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa chỉ : SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 9, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Địa điểm lấy mẫu : Nhà máy nước Hồ Đá Đen: Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa

Ngày lấy mẫu : 07/06/2023

Tên mẫu : NƯỚC SẠCH

Lượng mẫu : 01 bình x 5 lít + 01 chai x 500 ml

Ngày nhận mẫu : 08/06/2023

Người gửi mẫu : Lương Minh Thủy

Người nhận mẫu : Trần Thị Thúy

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
1	Bari (Ba)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)	< 0,05 mg/l	≤ 0,7 mg/l	10/06/2023
2	<i>Staphylococcus aureus</i>	SMEWW 9213 B - 2017 (a)	0 CFU/100 ml	< 1 CFU/100 ml	09/06/2023
3	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	0 CFU/100 ml	< 1 CFU/100 ml	09/06/2023
4	Boron (bao gồm Borat và Axit boric)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)	Không phát hiện LOD = 0,02 mg/l	≤ 0,3 mg/l	10/06/2023
5	Cadimi (Cd)	SMEWW 3125 B - 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,003 mg/l	09/06/2023
6	Chì (Pb)	SMEWW 3125 B - 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,01 mg/l	09/06/2023
7	Crom tổng (Cr)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,010 mg/l	≤ 0,05 mg/l	09/06/2023
8	Đồng (Cu)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,020 mg/l	≤ 1,00 mg/l	09/06/2023
9	Kẽm (Zn)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,020 mg/l	≤ 2 mg/l	09/06/2023
10	Natri (Na)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)	7,2 mg/l	≤ 200 mg/l	10/06/2023
11	Selen (Se)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/l	≤ 0,01 mg/l	10/06/2023
12	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)	Không phát hiện LOD = 0,00008 mg/l	≤ 0,001 mg/l	10/06/2023

Mã số mẫu: 17203.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Tiêu chuẩn	Ngày kiểm nghiệm
13	Cyanua (CN ⁻)	SMEWW 4500 - CN ⁻ E - 2017	Không phát hiện LOD = 0,005 mg/l	≤ 0,05 mg/l	09/06/2023
14	Phenol & dẫn xuất của phenol (4 - Chloro-3-methylphenol; 2-Chlorophenol; 2,4-Dichlorophenol; 2,4-Dimethylphenol; 2-Nitrophenol; 2,4,6-Trichlorophenol)	HD.PP.46/KXN.LH	Không phát hiện LOD = 0,30 µg/l	≤ 1 µg/l	09/06/2023
15	Styren	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 20 µg/l	09/06/2023
16	Xylen	HD.PP.78/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/l	≤ 500 µg/l	09/06/2023
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	Ref. EPA 525.3	Không phát hiện LOD = 1,00 µg/l	≤ 100 µg/l	08/06/2023
18	Clodan	SMEWW 6630 - B: 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 0,2 µg/l	12/06/2023
19	Cyanazine	Ref. EPA 525.3	Không phát hiện LOD = 0,10 µg/l	≤ 0,6 µg/l	08/06/2023
20	DDT và các dẫn xuất	SMEWW 6630 - B: 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 1 µg/l	12/06/2023
21	Hydroxyatrazine	Ref. EPA 525.3	Không phát hiện LOD = 50,00 µg/l	≤ 200 µg/l	08/06/2023
22	Trifuralin	SMEWW 6630 - B: 2017 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 µg/l	≤ 20 µg/l	12/06/2023
23	Bromodichlorometan	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (a)	3,10 µg/l	≤ 60 µg/l	09/06/2023
24	Bromoform	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (a)	Không phát hiện LOD = 1,00 µg/l	≤ 100 µg/l	09/06/2023
25	Cloroform	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (a)	3,55 µg/l	≤ 300 µg/l	09/06/2023
26	Dibromochlorometan	HD.PP.62/KXN.LH:03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (a)	Không phát hiện LOD = 1,00 µg/l	≤ 100 µg/l	09/06/2023
27	Monocloramin	SMEWW 4500 - Cl - F - 2017 (a)	< 0,10 mg/l	≤ 3,0 mg/l	09/06/2023
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha)	ISO 10704:2019 (a)	Không phát hiện LOD = 0,030 Bq/l	≤ 0,1 Bq/l	09/06/2023
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta)	ISO 10704:2019 (a)	0,127 Bq/l	≤ 1,0 Bq/l	09/06/2023

Mã số mẫu: 17203.23

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Limit of detection.

Nhận xét: Mẫu NƯỚC SẠCH có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu QCDP 01:2022/BR-VT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **19-06-2023**.....

TUO. VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

TS. LÊ Thị Ngọc Hạnh





PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT
Sample code: 17203.23



Tên khách hàng/ Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Địa chỉ/ Address: SỐ 14, ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG 9, THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
Địa điểm lấy mẫu/ Sample location: Nhà máy nước Hồ Đá Đen: Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa
Ngày lấy mẫu/ Date of sample collecting: 07/06/2023/ June 07th, 2023
Tên mẫu/ Sample: NƯỚC SẠCH
Lượng mẫu/ Quantity of sample: 01 bình x 5 lít + 01 chai x 500ml/ 01 bottle x 5 liter + 01 bottle x 500ml
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receiving: 08/06/2023/ June 08th, 2023
Người gửi mẫu/ Sample sender: Lương Minh Thủy/ Thủy Lương Minh
Người nhận mẫu/ Sample receiver: Trần Thị Thúy/ Thủy Tran Thi

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM/ TEST RESULT

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Tiêu chuẩn Standard	Ngày kiểm nghiệm Testing date
1	Bari (Ba) Barium (Ba)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)	< 0.05 mg/l	≤ 0.7 mg/l	10/06/2023 June 10 th , 2023
2	Staphylococcus aureus	SMEWW 9213 B - 2017 (a)	0 CFU/100 ml	< 1 CFU/100 ml	09/06/2023 June 09 th , 2023
3	Pseudomonas aeruginosa	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006) (a)	0 CFU/100 ml	< 1 CFU/100 ml	09/06/2023 June 09 th , 2023
4	Boron (bao gồm Borat và Axit boric) Boron (Borate & Boric Acid)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.02 mg/l	≤ 0.3 mg/l	10/06/2023 June 10 th , 2023
5	Cadimi (Cd) Cadmium (Cd)	SMEWW 3125 B - 2017 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003 mg/l	≤ 0.003 mg/l	09/06/2023 June 09 th , 2023
6	Chì (Pb) Lead (Pb)	SMEWW 3125 B - 2017 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003 mg/l	≤ 0.01 mg/l	09/06/2023 June 09 th , 2023
7	Crom tổng (Cr) Total Chromium (Cr)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.010 mg/l	≤ 0.05 mg/l	09/06/2023 June 09 th , 2023
8	Đồng (Cu) Copper (Cu)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.020 mg/l	≤ 1.00 mg/l	09/06/2023 June 09 th , 2023

Stt N ^o	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Tiêu chuẩn Standard	Ngày kiểm nghiệm Testing date
9	Kẽm (Zn) Zinc (Zn)	SMEWW 3120 B - 2017 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.020 mg/l	≤ 2 mg/l	09/06/2023 June 09 th , 2023
10	Natri (Na) Sodium (Na)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)	7.2 mg/l	≤ 200 mg/l	10/06/2023 June 10 th , 2023
11	Selen (Se) Selenium (Se)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.0003 mg/l	≤ 0.01 mg/l	10/06/2023 June 10 th , 2023
12	Thủy ngân (Hg) Mercury (Hg)	HD.PP.21/TT.AAS: 2021 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.00008 mg/l	≤ 0.001 mg/l	10/06/2023 June 10 th , 2023
13	Cyanua (CN ⁻) Cyanide (CN ⁻)	SMEWW 4500 - CN ⁻ E - 2017	Không phát hiện Not detected LOD = 0.005 mg/l	≤ 0.05 mg/l	09/06/2023 June 09 th , 2023
14	Phenol & dẫn xuất của phenol (4 - Chloro-3- methylphenol; 2- Chlorophenol; 2,4- Dichlorophenol; 2,4- Dimethylphenol; 2- Nitrophenol; 2,4,6- Trichlorophenol) Phenols	HD.PP.46/KXN.LH	Không phát hiện Not detected LOD = 0.30 µg/l	≤ 1 µg/l	09/06/2023 June 09 th , 2023
15	Styren Styrene	HD.PP.78/TT.SK: 2021 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 3 µg/l	≤ 20 µg/l	09/06/2023 June 09 th , 2023
16	Xylen Xylene	HD.PP.78/TT.SK: 2021 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 3 µg/l	≤ 500 µg/l	09/06/2023 June 09 th , 2023
17	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine Atrazine and chloro-s- triazine derivatives	Ref. EPA 525.3	Không phát hiện Not detected LOD = 1.00 µg/l	≤ 100 µg/l	08/06/2023 June 08 th , 2023
18	Clodan Chlordane	SMEWW 6630 - B: 2017 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01 µg/l	≤ 0.2 µg/l	12/06/2023 June 12 th , 2023
19	Cyanazine Cyanazine	Ref. EPA 525.3	Không phát hiện Not detected LOD = 0.10 µg/l	≤ 0.6 µg/l	08/06/2023 June 08 th , 2023
20	DDT và các dẫn xuất DDTs	SMEWW 6630 - B: 2017 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01 µg/l	≤ 1 µg/l	12/06/2023 June 12 th , 2023
21	Hydroxyatrazine Hydroxyatrazine	Ref. EPA 525.3	Không phát hiện Not detected LOD = 50.00 µg/l	≤ 200 µg/l	08/06/2023 June 08 th , 2023
22	Trifuralin Trifuralin	SMEWW 6630 - B: 2017 (a)	Không phát hiện Not detected LOD = 0.01 µg/l	≤ 20 µg/l	12/06/2023 June 12 th , 2023
23	Bromodichlorometan Bromodichloromethane	HD.PP.62/KXN.LH: 03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (a)	3.10 µg/l	≤ 60 µg/l	09/06/2023 June 09 th , 2023

Sample code: 17203.23

Stt Nº	Chỉ tiêu Test Item	Phương pháp Method	Kết quả Result	Tiêu chuẩn Standard	Ngày kiểm nghiệm Testing date
24	Bromoform <i>Bromoform</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> $LOD = 1.00 \mu\text{g/l}$	$\leq 100 \mu\text{g/l}$	09/06/2023 <i>June 09th, 2023</i>
25	Cloroform <i>Chloroform</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (a)	$3.55 \mu\text{g/l}$	$\leq 300 \mu\text{g/l}$	09/06/2023 <i>June 09th, 2023</i>
26	Dibromochlorometan <i>Dibromochloromethane</i>	HD.PP.62/KXN.LH: 03, 2021 (Ref. EPA 524.2) (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> $LOD = 1.00 \mu\text{g/l}$	$\leq 100 \mu\text{g/l}$	09/06/2023 <i>June 09th, 2023</i>
27	Monocloramin <i>Monochloramine</i>	SMEWW 4500 - Cl - F - 2017 (a)	$< 0.10 \text{ mg/l}$	$\leq 3.0 \text{ mg/l}$	09/06/2023 <i>June 09th, 2023</i>
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α (Gross alpha) <i>Radioactivity alpha</i>	ISO 10704:2019 (a)	Không phát hiện <i>Not detected</i> $LOD = 0.030 \text{ Bq/l}$	$\leq 0.1 \text{ Bq/l}$	09/06/2023 <i>June 09th, 2023</i>
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β (Gross beta) <i>Radioactivity beta</i>	ISO 10704:2019 (a)	0.127 Bq/l	$\leq 1.0 \text{ Bq/l}$	09/06/2023 <i>June 09th, 2023</i>

Ghi chú/ Note:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

This test result is valid for this sample.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

(a) The testing is accredited according to ISO/IEC 17025:2017.

- LOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Limit of detection.

Nhận xét/ Conclusion:

Mẫu NƯỚC SẠCH có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu QCDP 01:2022/BR-VT do Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành.

This sample had parameters which met requirements of the Local technical regulation on Domestic Water Quality in Ba Ria - Vung Tau Province QCDP 01:2022/BR-VT, promulgated by the People's Committee of Ba Ria - Vung Tau province.

Ho Chi Minh City, **19-06-2023**

TU. VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

AUTHORIZED DIRECTOR

HEAD OF TESTING DEPARTMENT



TS. Lê Thị Ngọc Hạnh